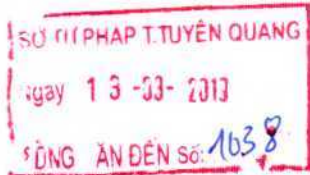


Số: 72 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành “Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đến năm 2020”**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Thông báo số 173/TB-VPCP ngày 10/5/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc Thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Hội nghị toàn quốc triển khai xây dựng mô hình khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu;

Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành “Một số tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020”;

Căn cứ Thông báo số 891-TB/TU ngày 01/3/2019 của Thường trực Tỉnh ủy về “Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đến năm 2020”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 177/TTr-SNN ngày 21/12/2018 về việc đề nghị ban hành “Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018-2020”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đến năm 2020”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước ban hành hướng dẫn thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu thôn nông thôn mới kiểu mẫu, đến năm 2020.

2. Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, nắm bắt tiến độ thực hiện, kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai tại cơ sở và đề xuất giải pháp để tổ chức thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

3.1. Trên cơ sở các tiêu chí, chỉ tiêu của "Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đến năm 2020", triển khai đến các phòng, ban trực thuộc, Ủy ban nhân dân xã và nhân dân biết, thực hiện.

3.2. Xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã tổ chức thực hiện.

3.3. Quy định trình tự, thủ tục xét công nhận "Thôn nông thôn mới kiểu mẫu" trên địa bàn.

4. Thẩm quyền xét, công nhận "Thôn nông thôn mới kiểu mẫu": Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *✍*

- Ban CĐTW CTMTQG XDNTM;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Văn phòng ĐP XDNTM Tuyên Quang;
- Chuyên viên NLN;
- Lưu VT (Hòa).

(báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Quang

**BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG, ĐẾN NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh)

Áp dụng thực hiện đối với thôn trên địa bàn xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và đạt các tiêu chí, chỉ tiêu thôn nông thôn mới kiểu mẫu, cụ thể:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đánh giá	Cơ quan phụ trách
1	Nhà ở dân cư	1.1. Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng.	90%	Sở Xây dựng
		1.2. Vật dụng gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học.	Đạt	
2	Vườn hộ và công trình chăn nuôi	2.1. Tối thiểu 90% số hộ đạt các yêu cầu sau: - Có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào ít nhất một trong các khâu: sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến. - Sản phẩm hàng hóa từ vườn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		2.2. Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo hợp vệ sinh.	≥ 90%	
3	Hàng rào, cổng ngõ	3.1. Khuyến khích trồng hàng rào bằng cây xanh được cắt tía thường xuyên; đối với hàng rào được xây dựng bằng các loại vật liệu khác (bê tông, kim loại...) khuyến khích trồng các loại cây hoa để phủ xanh; cổng ngõ được chỉnh trang sạch đẹp.	Đạt (100%)	Sở Xây dựng
4	Đường giao thông	4.1. Đường trục thôn:	Đạt	Sở Giao thông vận tải
		- Tối thiểu 80% số km đường nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt quy định, trong đó: 100% số km đường đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa phải có lề đường mỗi bên ít nhất 0,75m (trừ trường hợp bất khả kháng); trồng hoa, cây cảnh hoặc cây bóng mát ngoài phạm vi lề đường và rãnh dọc đạt 100%.	Đạt	
		- Trên tuyến đường đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa (có rãnh thoát nước) chiều dài rãnh được xây dựng kiên cố phải đạt ≥ 50% tổng chiều dài rãnh thoát nước.	Đạt	
		- Có biển báo hiệu đường bộ tại đầu các trục thôn (biển chỉ dẫn đường...).	Đạt	
		- Các tuyến đường giao thông nông thôn được duy tu bảo dưỡng thường xuyên (vệ sinh, nạo vét rãnh...) đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.	Đạt	

		4.2. Đường ngõ, xóm:	Đạt	
		- 100% các tuyến đường được bê tông hóa đạt chuẩn theo quy định, trong đó: 100% số km đường có lề mỗi bên tối thiểu 0,5m (trừ trường hợp bất khả kháng); trồng hoa, cây cảnh hoặc cây bóng mát ngoài phạm vi lề đường và rãnh dọc đạt 100%".	Đạt	
		- 100% các tuyến đường có hệ thống rãnh thoát nước (trừ trường hợp bất khả kháng) và thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng.	Đạt	
		4.3. Đường nội đồng:		
		- 100% các tuyến đường được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, trong đó trên 70% được bê tông hóa.	Đạt	
		- Các tuyến đường đã bê tông hóa (khuyến khích trồng hoa, cây cảnh, cây bóng mát) ngoài phạm vi lề đường và rãnh dọc (nếu có)".	Đạt	
5	Hệ thống điện	5.1. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện, có sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện.	100%	Sở Công thương
		5.2. Tỷ lệ km đường trục thôn khu vực đông dân cư có hệ thống điện chiếu sáng.	100%	
6	Nhà văn hóa và hoạt động văn hóa - thể thao	6.1. Nhà văn hóa		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		- Tủ sách trong nhà văn hóa có ít nhất 100 đầu sách; quản lý, sử dụng hiệu quả và thường xuyên cập nhật đầu sách mới.	Đạt	
		- Hệ thống trang thiết bị nhà văn hóa gồm: bộ âm thanh; các công cụ, dụng cụ dùng cho hoạt động sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng địa phương; hệ thống loa phát thanh phải duy trì và đảm bảo hoạt động, thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng, phát huy tốt chức năng của nhà văn hóa theo quy định.	Đạt	
		- Công trình phụ trợ nhà văn hóa gồm: Khuôn viên nhà văn hóa được trồng hoa, cây cảnh hoặc cây bóng mát...; có hàng rào bằng cây xanh, đối với hàng rào được xây dựng bằng các loại vật liệu khác (bê tông, kim loại...) khuyến khích trồng cây (hoa) để phủ xanh. Nhà vệ sinh đảm bảo hợp vệ sinh.	Đạt	
		6.2. Hoạt động văn hóa - thể thao		
		- Có dụng cụ thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương.	Đạt	

		- Có mô hình hoạt động văn hóa - văn nghệ tiêu biểu, mỗi thôn có ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút 40% trở lên/ tổng số dân.	Đạt	
		- Có mô hình hoạt động thể dục, thể thao tiêu biểu, mỗi thôn có ít nhất 01 đội thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng tại địa phương hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút 25% trở lên/tổng số dân.	Đạt	
7	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm xét công nhận “Thôn nông thôn mới kiểu mẫu” phải cao hơn từ 1,5 lần so với mức quy định đánh giá tiêu chí thu nhập theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới từng năm.	Đạt	Cục Thống kê tỉnh
8	Hộ nghèo	Không có hộ nghèo	Đạt	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
9	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	9.1. Văn hóa:		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		- Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn Văn hóa” liên tục tối thiểu 3 năm.	Đạt	
		- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”.	90%	
		- Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.	100%	
		9.2. Giáo dục:	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
		- Tỷ lệ huy động trẻ dưới 36 tháng tuổi đi nhà trẻ đạt từ 30% trở lên; tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo đạt từ 99% trở lên; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học đạt từ 90% trở lên, số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học; tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp THPT (bỏ túc THPT) hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt từ 90% trở lên.	Đạt	
		- Tỷ lệ học sinh tiểu học: Xếp loại giáo dục từ trung bình trở lên đạt ít nhất 98%, không có học sinh bỏ học; tỷ lệ học sinh trung học cơ sở: Xếp loại yếu, kém không quá 5%, tỷ lệ học sinh bỏ học không quá 1%; không có học sinh vi phạm pháp luật.	Đạt	

		9.3. Y tế:		Sở Y tế
		- Tỷ lệ dân số thường trú trên địa bàn thôn được quản lý, theo dõi sức khỏe.	$\geq 90\%$	
		- Tỷ lệ người tham gia BHYT.	95%	
10	Vệ sinh môi trường	10.1. Có từ 95% trở lên số hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó tối thiểu 60% số hộ dân được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.	Đạt	Sở Nông nghiệp và PTNT
		10.2. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên.	Đạt	Sở Xây dựng
		10.3. Có từ 60% trở lên số tuyến đường thôn, xóm có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến.	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
		10.4. Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm) tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.	Đạt	
		10.5. 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững.	Đạt	
11	Hệ thống chính trị và An ninh, trật tự xã hội	11.1. Chi bộ thôn đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.	Đạt	Sở Nội vụ
		11.2. Thôn và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong thôn đạt danh hiệu vững mạnh.	Đạt	
		11.3. Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu, trên địa bàn thôn: không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; không có công dân thường trú phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm.	Đạt	Công an tỉnh
12	Chấp hành quy ước, hương ước và các quy định khác của các tổ chức	12.1. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm quy ước, hương ước; không vi phạm các hình thức kỷ luật (bằng văn bản của cấp có thẩm quyền).	100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		12.2. Đóng nộp đầy đủ, đúng thời gian các khoản thu đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.	Đạt	Sở Tài chính